

SỰ THÀNH LẬP TRIỀU LÊ VÀ SỰ XÁC LẬP LÝ LUẬN NHO GIÁO TỪ Ý NIỆM PHẬT GIÁO ĐẾN Ý NIỆM NHO GIÁO

(Tiếp theo và hết)

YU INSUN*

III. NHO GIÁO THỜI HỒ VÀ THỜI MINH CAI TRỊ

Nhà Trần ngay từ đầu đã thi hành triệt để chính sách thái tử kết hôn với những người thân cận trong hoàng cung nhằm ngăn chặn chính quyền rơi vào tay ngoại thích. Tuy nhiên đời sau không duy trì được chính sách này, và thật trở trêu là chính quyền lại bị rơi vào tay ngoại thích.

Việc Hồ Quý Ly lập quan hệ với hoàng gia nhà Trần, sau giành ngôi nhà Trần, lập nên vương triều nhà Hồ là do Hồ Quý Ly có hai người cô lấy vua nhà Trần, một người sinh ra Nghệ Tông, một người sinh ra Duệ Tông. Tuy nhiên, danh nghĩa của việc này chỉ dừng lại ở mức độ nhất định, thực tế Hồ Quý Ly leo được vào trung tâm quyền lực của nhà Trần là nhờ Ông đã đóng vai trò quan trọng trong việc loại trừ Dương Nhật Lễ, giúp Nghệ Tông và Duệ Tông lên ngôi. Nhờ công lao này Hồ Quý Ly được ban chức Khu mật viện đại sứ vào tháng 5 năm 1371, tháng 9 được gia tước Trung Nguyên Quốc Thượng hầu (101). Mặt khác, mặc dù đã có vợ rồi Ông vẫn kết hôn với chị gái Nghệ Tông, cho em họ kết hôn với Duệ Tông nhằm mục đích củng cố vững chắc vị trí của mình.

Không những thế, Hồ Quý Ly còn tiến cử anh em họ hàng, người cùng phe cánh vào nhiều chức trách khác nhau nhằm tăng cường quyền lực trong triều đình. Năm 1372, đưa Hồ Tông Thốc vào Hàn lâm viện học sĩ, đưa Hồ Long người Hóa Châu lên làm Tri huyện Hóa Châu là những thí dụ điển hình (102). 14 năm sau Hồ Tông Thốc nhờ sự hậu thuẫn của Hồ Quý Ly được lên nắm quyền điều hành Hàn lâm viện. Kỳ thi khoa cử năm 1374, nói là Duệ Tông lo đánh Champa nên Thượng hoàng lo thay nhưng khả năng Hồ Quý Ly can dự là rất lớn. Khi đó Hồ Quý Ly mở tiệc chúc mừng những người đỗ, đặc biệt là 3 người đỗ đầu vinh dự được tổ chức rước kiệu trong suốt 3 ngày (103). Việc kỳ thi năm ấy lấy đỗ nhiều chưa từng có, tới 50 người chắc chắn là nằm trong ý đồ nhằm tăng cường nền tảng chính trị của Hồ Quý Ly.

Hồ Quý Ly sử dụng quyền lực đã được củng cố, làm suy yếu quyền lực hoàng gia Trần, thay vào đó là tầng lớp văn thân. Các kỳ khoa cử 1381, 1384, 1393 lấy đỗ mỗi kỳ 30 người cũng đều nằm trong chiến lược này. Năm 1375, khi tuyển chọn tướng để huấn luyện binh lính chi viện cho việc chống quân Champa đã không nhất thiết

*GS. Đại học Quốc gia Seoul (Hàn Quốc)

chọn người trong họ hàng vua, mà tuyển chọn cả những người có tài về võ nghệ và chiến thuật trong số quan lại là một chi tiết thú vị (104). Trong lĩnh vực quân sự, vốn lẽ họ hàng vua luôn đóng vai trò chủ đạo. Họ chỉ huy binh lính nên khi có chiến tranh với bên ngoài họ đóng vai trò chủ đạo là điều dễ hiểu.

Khi đó mối đe dọa mới đối với nhà Trần đến từ phương Bắc. Năm 1368 nhà Minh thay nhà Nguyên thống trị, Trung Quốc. Ban đầu quan hệ hai nước vẫn tốt đẹp, nhưng năm 1384, do nhu cầu lương thực vùng Vân Nam tăng lên, nhà Minh yêu cầu nhà Trần cung cấp 5 ngàn bao quân lương. Đó là yêu cầu vô lý đối với nhà Trần do khó khăn về tài chính, nhưng nhà Trần vẫn chấp nhận. Sau đó nhà Minh tiếp tục gửi người tới đòi đủ loại sản vật phương Nam và 20 nhà sư. Việc nhà Trần chấp nhận tất cả các yêu sách của nhà Minh là do Hồ Quý Ly sợ ảnh hưởng đến quyền lực của mình (105).

Trong khi đó sự xâm chiếm của Chăm-pa đã chấm dứt. Năm 1389, vua Chăm-pa Chế Bồng Nga bị chết trận ở đồng bằng sông Hồng. Cuộc chiến với Chăm-pa gây tổn thất rất lớn đối với nhà Trần, đặc biệt là nguồn tài chính bị kiệt quệ. Nhằm bổ sung nguồn tài chính, năm 1378 triều đình lập ra loại thuế đình, bắt tất cả nam giới nộp 3 quan tiền 1 năm (106). Trước hoàn cảnh đó, nông dân nghèo trở thành nông nô của địa chủ nhằm tránh đóng thuế và lao dịch, hay trở thành sự vô thừa nhận. Năm 1396, hàng loạt tăng lữ bị loại bỏ là do chính sách bài xích Phật giáo, nhưng cũng có thể có mục đích làm tăng nguồn nhân lực. Điều này có thể lấy dẫn chứng, năm 1392, trong quân dân người nào trốn việc sẽ bị phạt 10 quan tiền, đồng thời bị thịch 4 chữ vào sau cổ (107). Năm 1397, ban bố phép hạn điền với

mục đích tăng cường nhân lực cần thiết cho quân dịch, lao dịch và sưu thuế. Tất nhiên mục đích quan trọng hơn của phép này là làm suy yếu thế lực hoàng gia. Theo phép này, ngoài Đại vương và công chúa, không ai được sở hữu trên 10 mẫu đất.

Hồ Quý Ly bắt đầu tấn công mạnh mẽ đối với nhà Trần bằng việc cưỡng chế vua Phế Đế thoái vị năm 1388. Ông buộc Phế Đế rời ngôi, sau đó đưa con út của Trần Nghệ Tông là Thuận Tông (1388-1398) lên ngôi, cho kết hôn với con gái. Khi đó nhà Trần vẫn dùng phép Du nguyệt trong sử dụng niên hiệu nhưng không hề có ý kiến trái ngược nào, điều này do ý niệm Nho giáo trong triều đình vẫn chưa được định hình chắc chắn.

Hồ Quý Ly loại trừ những quần thần phản đối mình, trung thành với nhà Trần, bất kể đó là ai, thay vào các vị trí đó là người trong họ hàng hay cùng phe cánh. Ông xuất thân từ Thanh Hóa nên trọng dụng người Thanh Hóa, Nghệ An. Thí dụ tiêu biểu là năm 1393 đưa Hồ Cương người Diễn Châu lên làm chỉ huy Tả thánh dục quân (109). Rõ ràng là cùng năm đó việc tổ chức thi khoa cử cũng là nhằm khuyếch trương thanh thế.

Trước đó 1 năm, Hồ Quý Ly soạn sách *Minh đạo* gồm 14 thiên về Nho học theo suy nghĩ của mình và dâng tặng Thuận Tông. Trong đó Ông gọi Chu Công là Tiên thánh, Khổng Tử là Tiên sư, đồng thời xin vua cho để tượng Khổng Tử hướng về phía Tây, Chu Công hướng về phía Nam trong Văn Miếu. Không những thế, Hồ Quý Ly còn phê phán 7 người trong đó có Chu Công, Trình Hạo, Trình Di tuy học vấn thâm thâm nhưng chỉ chú trọng đến việc nhại lại, và còn gọi Hàn Dũ là "trộm Nho". Cuối cùng, Ông chủ trương bài xích triệt để Tân Nho học. Hai người đồ Trạng nguyên

qua 2 kỳ khoa cử năm 1374 và 1384 là Đào Sư Tích và Đoàn Xuân Lôi cho rằng việc đó là không thể nên đã bị giáng chức và xử phạt (110). Tuy không rõ tại sao Hồ Quý Lý viết như vậy, song có lẽ khi đó Ông đã quyết tâm tiến ngôi nhà Trần và cảm thấy bất ổn đối với tư tưởng trung hiếu của Tân Nho học.

Thượng hoàng đoán biết được ý đồ tiến ngôi của Hồ Quý Ly, tháng 4 năm 1394 cho gọi Ông lên và nói rằng "Sau khi trăm ra đi, nếu thấy vua còn đáng để được phụng sự thì hãy giúp đỡ, nếu Vua ngu dân không hơn người thì nhà ngươi hãy tự biết mà hàng động" (111). Có thể hiểu là ý đồ thực của Thượng hoàng là gián tiếp nhờ Hồ Quý Ly đóng vai trò giống như Chu Công (112).

Hồ Quý Lý tuy đáp rằng không có ý gì khác nhưng tháng 12 năm đó Thượng hoàng mất, Ông liền leo lên chức Nhập Nội Phụ chính Đại thần Bình chương Quân quốc Trọng sự, đương nhiên trở thành người nắm quyền cao nhất và có thể thao túng triều đình. Trước tiên Ông cho dịch thiên *Vô Dật* trong *Kinh Thư* ra quốc ngữ, tức chữ Nôm để dạy cho vua Thuận Tông (113). Nội dung của thiên *Vô Dật* dạy rằng Chu Công để giúp đỡ vua nhỏ tuổi điều hành việc triều chính đã phải nỗ lực như thế nào. Chúng tôi nghĩ Hồ Quý Ly tự coi mình như Chu Công là có ý đồ nhằm ngăn chặn kẻ nào đó muốn tranh giành vị thế của mình. Năm 1396, Hồ Quý Ly còn soạn sách *Quốc ngữ thi nghĩa tính tự* dựa theo nội dung chính trong *Kinh Thi* để dạy cho hậu phi và cung nữ. Theo *Toàn thư*, trong phần mở đầu Ông phân tích nhiều theo suy nghĩ của mình và không theo *Chu tử tập truyện* (114).

Qua đó có thể thấy Hồ Quý Ly hiểu biết sâu rộng về Nho học, đồng thời cũng thông thạo chữ Nôm. Sự phổ cập chữ Nôm theo đó

là sự phát triển của thơ Nôm có liên quan mật thiết tới sự phát triển rực rỡ của văn hóa dân tộc sau thời quân Mông - Nguyên xâm lược. Nhà thơ chữ Nôm tiêu biểu có thể kể đến Nguyễn Thuyên (hay còn gọi là Hàn Thuyên) và Chu Văn An. Cuối cùng cho đến khi đó, chữ Nôm vốn vẫn bị coi là thuộc tự hay thuộc ngữ đối với chữ Hán và Hán văn đã được nâng lên thành ngôn ngữ văn học, đây là kết quả tạo ra trong bối cảnh phát triển ý thức dân tộc lúc đó. Nhờ sự phát triển của chữ Nôm, Hồ Quý Ly sau khi chiếm ngôi nhà Trần lên làm vua đã có thể lựa chọn chữ Nôm làm văn tự chính thức trong triều đình.

Hồ Quý Ly còn rất quan tâm tới cải cách giáo dục và khoa cử. Năm 1396, trong kỳ khoa cử Ông cho tổ chức kỳ thi Hương vốn trước đó không rõ ràng, người đỗ kỳ thi này mới đủ tư cách ứng thi kỳ thi Hội tổ chức vào năm sau. Nếu đỗ kỳ thi Hội sẽ được tham dự kỳ thi Đình và được phong cấp. Về môn thi, Hồ Quý Ly vốn sùng bái Chu Công nên coi trọng *Tứ Thư* hơn *Ngũ Kinh* (115). Ông cũng chú trọng đến phổ cập giáo dục, năm 1397, ông cử tới các phủ và lộ của vùng Hải Đông, Kinh Bắc và Sơn Nam mỗi nơi 1 học quan, chu cấp cho họ quan điền. Lộ Quan giám sát sự giảng dạy của Học Quan, hàng năm đến cuối năm cho chọn người xuất sắc lên triều đình, vua tổ chức cho những người này thi, nếu điểm tốt sẽ cho làm quan (116). Các chế độ này cũng là những cố gắng của Hồ Quý Ly nhằm truyền bá ý niệm của mình, qua đó tăng thêm số người ủng hộ.

Năm 1397, Hồ Quý Ly ép Thuận Tông dời đô về vùng mới xây dựng là Tây Đô, Thanh Hóa, sau năm đó đưa Thái tử mới 3 tuổi lên làm vua. Vua mới Thiệu Đế (1398-1400) là ông vua cuối cùng của triều Trần. Trong bối cảnh đó, khi các thế lực phù Trần

trong triều đình định lập mưu trừ khử Hồ Quý Ly nhưng bị phát giác, 370 người đã bị xử tử. Việc xử tử hàng loạt đó có thể là bất khả kháng đối với việc trừ khử phe phản đối nhưng nó đã đem lại hậu quả là uy tín sút giảm, dẫn đến nền tảng chính trị của Hồ Quý Ly bị suy yếu.

Sau sự kiện này Hồ Quý Ly tự xưng là Quốc tổ chương hoàng và lưu lại trong hoàng cung, mỗi khi ra vào đều giữ lễ là tuân theo Thái tử. Kết cục tháng 2-1400, lấy danh nghĩa vua Thiếu Đế nhường ngôi và lên làm vua, lấy niên hiệu là Thánh Nguyên, đổi tên nước thành Đại Ngu, đổi họ thành họ cũ là họ Hồ. Việc đổi họ cũng là để tạo quan hệ với nhân vật có tính truyền thuyết là Hồ Công Mãn, thông qua đó định tạo mối liên hệ với tổ phụ là vua Thuấn (117). Lúc này Ông đã từ bỏ vai trò của Chu Công và định vượt lên trên Chu Công để tạo sự liên kết trực tiếp với vua Thuấn.

Hồ Quý Ly tại vị không lâu. Cũng giống như nhà Trần, tháng 12-1400 Ông nhường ngôi cho con trai là Hồ Hán Thương và trở thành Thái thượng hoàng. Việc nhanh chóng nhường ngôi là nhằm tránh sự phê phán từ bên trong và bên ngoài đối với hành vi chiếm ngôi của nhà Trần. Tuy nhiên mọi quyền hành vẫn đều nằm trong tay Ông.

Các vấn đề Hồ Quý Ly phải đối mặt, thứ nhất là ổn định chính quyền trong nước, thứ hai là nhận phong của nhà Minh, thứ ba là chiến tranh với Champa. Hồ Quý Ly cũng như nhà Trần dựa nhiều vào tôn thất nhưng lại trưng dụng rất nhiều văn sĩ. Họ hầu hết là những người thi đỗ theo ý niệm Nho học của Hồ Quý Ly trong các kỳ khoa cử năm 1380 và 1390. Ngay sau khi lên ngôi, Ông liền tổ chức khoa thi năm 1400, lấy đỗ 20 người và cho làm quan (118). Kỳ

thi năm 1405 đã lấy đỗ tới 170 người, con số nhiều chưa từng có, chắc chắn việc này nhằm mục đích tăng nhanh số người ủng hộ. Đáng chú ý đây là lúc nhà Minh đang ráo riết chuẩn bị xâm chiếm Việt Nam.

Hồ Quý Ly ngay sau khi truyền ngôi cho con đã gửi sứ thần sang Minh, nói đối với nhà Minh rằng nhà Trần không có người nối dõi nên truyền ngôi cho cháu ngoại là Hồ Hán Thương và xin phong. Niên hiệu Vĩnh Lạc, tức năm 1403, nhà Minh phái sứ thần sang và chấp nhận (119).

Tuy vậy, quan hệ của hai nước cũng chỉ dừng ở mức độ đó, ngay năm sau quan hệ bắt đầu xấu đi. Ở đây có 3 vấn đề, thứ nhất là vấn đề biên giới, thứ hai là vấn đề liên quan tới Champa, thứ ba là vấn đề chiếm ngôi của nhà Hồ (120). Vấn đề nổi lên trước mắt là tranh chấp biên giới giữa hai nước. Một thủ lĩnh người dân tộc Thái ở phủ Tư Minh tỉnh Quảng Tây kêu với nhà Minh rằng trước đây họ Hồ đã cướp mất vùng đất của mình là trại Vinh Bình, châu Tây Bình, Lộc Châu. Vấn đề tiếp theo là việc Champa gửi sứ thần sang Minh nói rằng nhà Hồ coi thường mệnh lệnh nhà Minh, xâm chiếm Chiêm Thành với quy mô lớn, đe dọa sự tồn tại của Vương quốc và yêu cầu nhà Minh can thiệp.

Tuy nhiên, vấn đề quan trọng hơn cả 2 vấn đề nêu trên là việc nhà Hồ chiếm ngôi, đây là nguyên nhân trực tiếp khiến nhà Minh xâm lược Việt Nam. Năm 1404, một hạ thần nhà Trần trước là Bùi Bá Kỳ xuất hiện trước triều đình nhà Minh, nêu sự thật về việc nhà Hồ cướp ngôi nhà Trần, sau đó Trần Thiêm Bình, người tự xưng là dòng dõi nhà Trần, cũng kêu chuyện tương tự với nhà Minh, Hoàng đế Vĩnh Lạc thấy đây là cơ hội tốt để tấn công Việt Nam. Còn nhiều nghi vấn về xuất thân của Trần Thiêm Bình, tờ tấu của người này có nhiều

khả năng do quan lại nhà Minh làm giả (121), thực tế có thể năm 1404 nhà Minh đã quyết định xâm lược Việt Nam.

Hồ Quý Ly biết nhà Minh đang ráo riết chuẩn bị xâm lược, đã dùng mọi phương tiện để đối phó. Năm 1406, nhà Minh định đưa Trần Thiêm Bình lên làm vua nên đưa Trần Thiêm Bình và đội quân hộ tống vào Việt Nam, xung đột giữa quân đội hai bên xảy ra. Khi đó Trần Thiêm Bình bị bắt làm tù binh và bị xử tử.

Dự đoán trước được điều này, Hoàng đế Vĩnh Lạc nêu ra 2 tội của cha con họ Hồ như giết vua An Nam, chiếm ngôi, không nghe theo Trung Quốc, tự ý xưng vua, lấy tên nước là Đại Ngu v.v... và lấy danh nghĩa khôi phục lại họ Trần và quyết định chinh phạt Việt Nam (122). Hoàng đế Vĩnh Lạc ra lệnh tấn công Việt Nam, quân Minh gồm 215 ngàn quân chia làm 2 hướng Đông, Tây. Đội quân hướng Đông gồm 135 ngàn quân do Trương Phụ chỉ huy, tiến vào Lạng Sơn qua tỉnh Quảng Tây, đội quân hướng Tây gồm 80 ngàn quân do Mộc Thạnh chỉ huy, tiến vào lưu vực sông Hồng qua tỉnh Vân Nam (123). Đoàn quân Minh xuất phát từ Quảng Tây và Vân Nam sau chưa đầy 1 năm thì đánh phá được quân nhà Hồ và bắt sống cha con Hồ Quý Ly. Quân Minh sau 2 tháng tấn công, đầu mùa Đông 1406 chiếm được thành Đông Đô (Thăng Long) và Tây Đô, Kinh đô nhà Hồ. Sau cha con Hồ Quý Ly bỏ trốn, quân Minh đuổi xuống phía Nam, đến mùa Hạ năm 1407 thì bắt được ở vùng Hà Tĩnh, đưa về Nam Kinh. Kết cục chính quyền Hồ Quý Ly sụp đổ sau 7 năm, Việt Nam không còn là nước An Nam độc lập mà trở thành 1 bộ phận của đế quốc Minh, được gọi là Giao Chỉ và bắt đầu chính sách đồng hóa.

Để thi hành chính sách đồng hóa, tổng tư lệnh Trương Phụ ở lại tới mùa Hạ năm 1408 và xếp đặt 472 các chức quan văn võ, trong đó đơn vị quyền lực cao nhất cũng được tổ chức như các địa phương khác ở Trung Quốc, bao gồm các quan Đô chỉ huy ty, Án Sát ty, Bố Chính ty đảm nhiệm các công việc quân sự, giám sát, hành chính. Đơn vị hành chính dưới tỉnh là phủ, châu, huyện, cơ quan quận sự thực hiện theo chế độ Vệ Sở, tức chia làm Vệ và Sở. Số quan lại này ngày càng tăng lên, năm 1408 có 15 phủ, 41 châu, 208 huyện, 10 vệ và 2 sở (124). Trong đó cơ quan quyền lực cao nhất gồm Ba ty: Đô, Bố, Án và Vệ được đặt ở trung tâm Giao Chỉ là Thăng Long.

Mặc dù nhà Minh đã đặt ra một bộ máy quản lý hành chính như vậy, song trong thời kỳ đầu kéo dài đến năm 1415 rất nhiều cơ quan chỉ có tên, không tồn tại trên thực tế (125). Lý do là nhà Minh không thể gửi đủ số quan lại từ Trung Quốc vào các cơ quan quyền lực đó. Hơn nữa danh nghĩa là phái cử nhưng có nhiều trường hợp là bị giáng chức. Do đó công việc hành chính của Giao Chỉ nảy sinh nhiều vấn đề, để giải quyết vấn đề này, Hoàng đế Vĩnh Lạc cho tuyển chọn người Việt Nam có năng lực và cho làm quan. Trương Phụ có khi tiến cử tới 9.000 người (126).

Việc nhà Minh không tổ chức được nhiều cơ quan hành chính có nguyên do liên quan đến sự nổi dậy của các lực lượng kháng chiến ở khắp nơi. Trong đó có cuộc nổi dậy quan trọng của con trai thứ của Nghệ Tông là Trần Ngỗi tức Giản Định Đế tiếp sau là Trần Quý Khoáng. Tháng 11-1407, Giản Định Đế khởi binh ở Nghệ An, lực lượng mạnh tới mức uy hiếp cả Đông Đô, nhưng bị tan rã do mâu thuẫn nội bộ. Đội quân của Trần Quý Khoáng mạnh tới mức đánh bại quân của Mộc Thạnh, uy

hiếp quân Minh, tuy nhiên năm 1414 Ông bị Trương Phụ tấn công 2 lần và bị bắt sống giải về Nam Kinh và bị xử tử.

Sau đó tình thế Việt Nam trở nên ổn định, nhà Minh có điều kiện để thi hành chính sách đồng hóa. Để phổ cập văn hóa Trung Quốc, việc cần thiết là lập các trường học theo kiểu Trung Quốc. Năm 1407, Quảng Phúc ngay sau khi được bổ nhiệm vào chức Bộ chánh sử kiêm Án sát sứ liền sử dụng các trường học vốn có ở Việt Nam và dễ dàng thực hiện kế hoạch này. Nhằm thu hút học sinh ưu tú, Quảng Phúc cho con nuôi là Hoàng Tông Nho nhập học (127). Theo *An Nam chí nguyên*, vào buổi đầu nhà Minh đô hộ (1410) số trường học là 161 với 14 phủ học, 34 châu học, 113 huyện học. Những học sinh ưu tú nhất, không phân biệt số năm nhập học được tuyển chọn gọi là "Cống sinh" và cho đi học ở Quốc Tử Giám ở Nam Kinh, trong thời gian thống trị của nhà Minh có tổng số 161 Cống sinh người Việt Nam (128). Theo sử liệu Việt Nam, việc tuyển chọn cống sinh, Phủ học mỗi năm chọn 2 người, Châu học 2 năm 3 người, Huyện học mỗi năm 1 người, sau đó giảm xuống Phủ học mỗi năm 1 người, Châu học 3 năm 2 người, Huyện học 2 năm 1 người (129). Các cống sinh sau trở về làm quan giúp đỡ cho nền thống trị của nhà Minh, mặt khác có thể giúp nhà Minh truyền bá tư tưởng Trung Quốc tại Việt Nam. Năm 1416, nhà Minh ngoài cơ sở dạy Nho học còn tổ chức các cơ quan khác như Y học, Âm Dương học, Tăng cường ty, Tăng chính ty, Tăng hội ty, Đạo kỹ ty, Đạo chính ty, Đạo hội ty nhằm tập trung truyền bá văn hóa (130).

Mặt khác, năm 1418 nhà Minh thu thập tất cả sách cổ kim của Việt Nam đem về nước, đồng thời năm sau đó phân phát các sách liên quan đến Hiếu thuận, Tính lý đại

toàn và *Tứ Thư*, *Ngũ Kinh* đưa về các trường học ở phủ, châu, huyện, đưa Kinh Phật về các Tăng đạo ty (131).

Tuy nhiên, chính sách đồng hóa của nhà Minh không kéo dài được bao lâu. Từ năm 1418, kháng chiến chống Minh nổ ra khắp nơi ở Việt Nam. Trong đó lớn mạnh nhất là sự nổi dậy của Lê Lợi. Năm 1418, Lê Lợi tập hợp binh lính ở vùng Thanh Hóa, qua quá trình đấu tranh lâu dài đã giành được độc lập từ tay nhà Minh. Cuộc kháng chiến của Lê Lợi chia làm 2 thời kỳ, thời kỳ thứ nhất từ năm 1418 đến 1423, đây là giai đoạn quân khởi nghĩa còn rất yếu, chủ yếu dựa vào đánh du kích, rồi vờ ký hòa ước với Minh và dừng hoạt động chống lại Minh.

Thời kỳ thứ hai là từ 1424 đến 1427, giai đoạn này lực lượng của Lê Lợi đã vượt ra ngoài Thanh Hóa, phát triển ra cả nước, cuối cùng đánh bại Minh, giành độc lập, lập nên triều Lê (1428-1788). Tình thế thay đổi khi đó ngoài sự lớn mạnh của quân khởi nghĩa Lê Lợi, năm 1424 Hoàng đế Vĩnh Lạc qua đời, Nhân Tông rồi Tuyên Tông không chủ trương dùng vũ lực để giải quyết vấn đề Việt Nam (132). Quân Minh do Vương Thông chỉ huy không còn được viện trợ của triều đình nhà Minh đã vài lần bị thua Lê Lợi, bèn đưa ra điều kiện lập lại vương triều Trần và nhanh chóng rút quân vào tháng 12 - 1427. Kết cục Lê Lợi giành độc lập dân tộc sau 10 năm kháng chiến, thoát khỏi ách thống trị kéo dài 20 năm của nhà Minh.

IV. NHO GIÁO ĐẦU THỜI LÊ

Sau khi quân Minh rút quân, mùa Hạ năm 1428, Lê Lợi, tức Thái Tổ (1428-1433) lên ngôi vua ở Đông Đô (133) lấy niên hiệu là Thuận Thiên, đổi tên nước là Đại Việt. Triều Lê được thành lập từ đây. Trần Cao

lo sợ nên chạy trốn, rồi bị bắt và uống thuốc độc tự tử (134).

Lê Thái Tổ ngay từ đầu đã tập trung củng cố quyền lực, xây dựng lại xã hội Đại Việt đã bị kiệt quệ sau chiến tranh. Ngay từ khi còn chiến tranh với nhà Minh, Lê Lợi đã chủ trương xây dựng bộ máy hành chính vững chắc, tạo lập thế lực mạnh. Bằng chứng là đầu năm 1426 khi bao vây Đông Đô, uy hiếp quân Minh, thắng lợi đang trở nên rõ ràng, Lê Lợi chia vùng phụ cận Đông Đô thành lộ và trấn, với 4 Đạo: Đông, Tây, Nam, Bắc và giao cho quan võ (135). Ông còn đặt ra Viên Ngoại lang Lục Bộ, tuyển chọn 30 văn quan, năm sau đó bổ nhiệm 515 người vào làm quan ở 4 Đạo và Hàn Lâm Viện (136). Đồng thời kêu gọi sự tiến cử và tự tiến cử của các "Kẻ sĩ hiền lương". Năm 1428 chia nước làm 4 đạo lấy trung tâm là Thanh Hóa, Nghệ An rồi sau thêm một đạo nữa là Hải Tây đạo, tổng cộng 5 đạo, giao toàn bộ việc văn, võ cho quan văn gọi là Hành khiển (137).

Đại Hành khiển là chức quan cao nhất trong bộ máy hành chính Trung ương, dưới có Thượng thư (Bộ Lại, Bộ Lễ) và Nội Mật Viện, tiếp đến là Trung thư tỉnh, Hoàng môn tỉnh, Môn hạ tỉnh và Ngũ hình viện, Ngự Sử đài (138). Thời kỳ đầu do thiếu người nên có xu hướng không giao việc rõ ràng cho từng cơ quan mà cùng thảo luận và giải quyết. Tuy nhiên, quyền quyết định cao nhất thuộc về các Tam công đại thần, những võ quan xuất thân từ vùng Thanh Hóa. Trong nhiều trường hợp các quan văn chỉ là những người thi hành quyết định của họ.

Thái Tổ, ngay sau khi nhập thành Đông Đô, trước sự thiếu hụt quan lại phục vụ cho bộ máy quản lý, đã cho tổ chức thi, lấy đỗ 32 người (139). Và để khắc phục sự thiếu hụt nhân tài nhằm tăng cường cho các cơ

quan chính quyền, năm 1429 lập nên các trường học đào tạo quan lại từ thấp đến cao, gọi là Học đường và Quốc học, tạo cơ hội cho các học sinh ở Học đường được học ở Đông Cung (140). Những người này sau sẽ được bổ nhiệm làm quan. Tuy nhiên, cách làm đó không thể cung cấp ngay cho nguồn nhân tài đang thiếu hụt, nhà Lê cho tổ chức thi Kinh sử cho các "Kẻ sĩ ẩn dật" và quan văn võ cấp thấp, người nào đỗ cho làm quan (141). Dù vậy, có lẽ vẫn chưa đáp ứng được nên Thái Tổ yêu cầu các quan tam phẩm trở lên mỗi người tiến cử một "Hiền tài" (142). Năm 1431, tổ chức thi thơ phú gọi là khoa Hoành Từ, những người thi đỗ gọi là Ngự tiền học sinh (143). Lê Thái Tổ đã cố gắng áp dụng mọi biện pháp để trưng dụng nhân tài ưu tú. Qua việc thi hành các chính sách đó, ảnh hưởng của Nho học trong triều đình nhà Lê, đặc biệt là Tân Nho học bắt đầu tăng lên.

Cũng như Hồ Quý Ly, Lê Thái Tổ thi hành việc hạn chế Phật giáo và Đạo giáo nhưng không phải là đàn áp. Vì năm 1429, các Tăng lữ và Đạo sĩ được thi Kinh truyện, người nào đỗ thì được chấp nhận tư cách người nào không đỗ thì phải trở về làm thường dân (144). Các biện pháp hạn chế này còn là phương tiện để tăng cường nhân lực cần thiết phục vụ cho việc khắc phục hậu quả chiến tranh. Thái Tổ ban phép nghiêm cấm những người không làm việc, chỉ cờ bạc rượu chè sẽ bị phạt nặng, người dung túng cho những người này cũng bị xử phạt (145).

Năm 1433, Thái Tổ trị vì năm thứ 6 thì đột ngột mất, Thái tử lên ngôi khi mới 10 tuổi, chính là Lê Thái Tông (1434-1442). Thời trị vì của Lê Thái Tông được coi là giai đoạn chú trọng nhiều tới sự phát triển của Nho học, coi trọng Nho giáo, tổ chức các kỳ thi khoa cử, tuy nhiên điều này có phần

không đúng với thực tế. Thái Tông vốn là Thái Tử nhỏ tuổi nên đã nhờ công thần khai quốc xuất thân ở Thanh Hóa là Lê Sát giúp đỡ trông coi việc chính trị. Lê Sát nhân cơ hội này đã nắm toàn quyền bính, loại trừ phe đối lập, mặt khác đưa anh em họ hàng thân thích vào các chức văn, võ quan trọng. Vì thế chính quyền khi đó trở thành nền chính trị do một số quan võ xuất thân Thanh Hóa nắm giữ.

Những người xuất thân từ Thanh Hóa, về hình thức là kế thừa ý niệm Nho giáo của Thái Tổ, đồng thời vẫn giữ mối quan hệ mật thiết với giới Phật giáo. Có thể thấy họ tin vào Phật giáo như thế nào thông qua một số dẫn chứng: mùa Hè năm 1434, hạn hán kéo dài, đã cho mời các nhà sư ở chùa Pháp Vân, Cát Châu tới Đông Kinh làm lễ cầu mưa, hay việc khởi công xây dựng chùa Báo Thiên ở Đông Kinh (146). Ngoài ra còn mở hội Vu Lan, sau khi thuyết pháp thì xá tội cho những người mắc tội nhẹ, rồi ban tiền giảng kinh cho các tăng lữ (147). Không chỉ có Lê Sát, người lên thay nắm giữ quyền bính sau khi Ông bị mất chức là Lê Ngân cũng sùng bái Phật giáo không thua kém gì người tiền nhiệm. Sử chép rằng Lê Ngân thờ Phật Quan Âm trong nhà và cầu nguyện cho con gái Huệ Chi được Thái Tông yêu quý (148). Theo *Toàn thư*, không chỉ Lê Sát và Lê Ngân, tất cả các công thần khai quốc thuộc tập đoàn Thanh Hóa cũng xa rời Nho học, ảnh hưởng đó lan tới cả các quan lại cấp thấp, thậm chí ảnh hưởng tới cả giám sinh (149). Sự xa rời Nho học của tập đoàn Thanh Hoá không phải là nhất thời mà nguyên nhân là do vị trí của nó. Thanh Hóa nằm ở vùng ven phía Nam của Đông Kinh, ít chịu ảnh hưởng của văn hóa Nho giáo, nên vào thế kỷ XV và thời gian sau đó cũng chỉ là khu vực văn hóa vùng ven. Chúng tôi cho rằng ngoài sự

thật về Lê Lợi vốn là địa chủ vùng này còn không có gì đáng kể đến là điều không hề vô can với nhận định trên. Năm 1434, Tiền quân tổng đốc Lê Thụ đã bị giáng chức vì tội lấy vợ khi quốc tang (150) có thể nói là một ví dụ điển hình cho thấy các nhân vật trong tập đoàn Thanh Hóa hoàn toàn ít có kiến thức về Nho học. Hay nói cách khác, trong thời gian những người Thanh Hóa nắm chính quyền, ý niệm Nho giáo không có vị trí đáng kể ngay trong triều đình.

Trong lúc đó các văn sĩ xuất thân vùng đồng bằng Đông Kinh đã cố gắng tiếp cận chủ nghĩa văn trị. Chúng tôi cho rằng đồng thời với việc Thái Tông lên ngôi (1434), nội dung về chế độ khoa cử được quyết định là kết quả cố gắng của những người này. Vì chúng tôi tin rằng Lê Thụ vốn là võ quan xuất thân Thanh Hóa lại là người đóng vai trò chủ đạo thực hiện việc này. Theo quyết định này, năm 1438 sẽ tổ chức thi Hương, năm sau thi Hội, cứ 3 năm tổ chức 1 lần (151).

Mặt khác, các văn sĩ tích cực góp sức truyền bá Nho giáo, năm 1435 tổ chức lễ Thích Điện Tế tại miếu Khổng Tử, sau đó hàng năm đều tổ chức lễ này (152). Năm sau hoàn thành bản khắc gỗ *Tân san tứ thư đại toàn*, việc *Tứ thư đại toàn* (153) được phổ biến rộng rãi có ý nghĩa quan trọng tới sự phát triển của Nho học.

Thời Lê kỳ thi khoa cử đầu tiên diễn ra vào đầu năm 1442. Khi đó số người dự thi Hội là 450 người, trong đó số đỗ tiến sĩ là 33 người. Triều đình đã dựng bia ghi danh tiến sĩ nhằm ban cho danh dự (154). Tuy nhiên thực tế tới thời Lê Thánh Tông (1460-1497), Hồng Đức năm thứ 15 (1484) bia ghi danh tiến sĩ mới được dựng (155). Kỳ thi khoa cử tổ chức được là do vua Thái

Tông đã trưởng thành và trực tiếp điều hành chính sự. Ông càng ngày càng tỏ ra bất mãn với tập đoàn võ quan xuất thân từ Thanh Hóa và dần dần thiên về các văn sĩ vùng đồng bằng Đông Kinh.

Chính sách có thiên hướng coi trọng văn sĩ của Thái Tông đã đem lại hệ quả bất hạnh cho Ông. Mùa thu năm 1442, Ông chết đột ngột khi trên đường trở về từ chuyến tuần hành núi Chí Linh ghé qua thăm Nguyễn Trãi ở vùng Bắc Ninh. Dù không rõ nguyên nhân nhưng có nhiều khả năng ông bị sát hại bởi thế lực võ quan xuất thân từ Thanh Hóa trong triều đình đang muốn khôi phục lại vị thế vốn đang bị lung lay (156).

Thái Tông mất, con trai thứ 3 mới 14 tháng tuổi là Nhân Tông (1443-1459) lên thay, mẫu hậu Cung Từ Hoàng Thái hậu buông rèm nghe chính sự, tạm quyết đoán việc nước. Khi đó quyền lực trong triều đình lại trở về tay các võ quan. Tuy vậy, Hoàng Thái hậu không bị tiếm quyền trước các thế lực, bà biết kiềm chế nên thế lực võ quan không còn mạnh như xưa. Trong thời trị vì của vua Nhân Tông thì khoa cử cũng được tổ chức 3 lần, điều này cho thấy Nho học tiến bộ hơn trước, tuy ảnh hưởng mạnh mẽ của Phật giáo vốn có nguồn gốc lâu đời vẫn còn tồn tại. Trong vụ hạn hán năm 1448, vua cùng các quan văn võ làm lễ cầu mưa ở chùa Báo Ân, chuyển tượng Phật ở chùa Pháp Vân về chùa Báo Thiên, cho các nhà sư tụng kinh cho mưa xuống (157). Các Hàn lâm học sĩ, Đài giám, Kinh diên quan phản đối việc làm lễ cầu mưa ở các chùa chiền nhưng Hoàng Thái hậu không nghe.

Mặc dù đã có quy định năm 1434, nhưng kỳ thi khoa cử chỉ được tổ chức 3 lần vào các năm 1448, 1453, 1458, không rõ vì lý do gì việc thi hành theo quy định 3 năm 1 lần không thực hiện được. Cũng có thể do các

võ quan Thanh Hóa ngăn cản. Kỳ thi năm 1448 bị phê phán là có sự can thiệp bất chính của các quan coi thi.

Kỳ thi năm 1442, lấy đỗ 33 người trong tổng số 450 người ứng thi, trong khi kỳ thi năm 1448 chỉ lấy đỗ 27 người (158), giảm một chút so với kỳ trước, nhưng có tới 750 người ứng thi, điều này cho thấy ảnh hưởng của Nho học đã tăng lên đáng kể. Kỳ thi năm 1453, lấy đỗ 25 người, năm 1458, lấy 4 người. Đặc biệt năm 1458 chỉ có 4 người đỗ, điều này có thể là việc làm thể hiện ý đồ xoa dịu phe phản đối sau sự kiện năm 1448 của vua Nhân Tông khi bắt đầu trực tiếp lo việc chính sự.

Năm 1449, năm trước khi Nhân Tông trực tiếp điều hành chính sự, một bộ luật đáng chú ý được ban bố. Bộ luật sau có ảnh hưởng quan trọng tới chế độ gia đình của Việt Nam này đề cập tới các vấn đề thừa kế tài sản, sở hữu tài sản gia đình. Theo bộ luật này tài sản gia đình được chia thành tài sản chung của vợ chồng, tài sản của vợ, tài sản của chồng. Chồng không có bất kỳ quyền gì đối với tài sản của vợ, và vợ cũng vậy đối với tài sản của chồng (159). Luân lý gia đình theo quan niệm Nho giáo là người chồng có quyền hạn tuyệt đối trong gia đình, có quyền hạn đối với mọi tài sản trong gia đình. Tuy vậy, trong xã hội thời Lê, vợ chồng có quyền bình đẳng về tài sản cho thấy ảnh hưởng vẫn còn hạn chế của Nho giáo trong xã hội Việt Nam khi đó. Tuy vậy, có thể nói bộ luật này cho thấy triều Lê đã tiến thêm một bước tới thể chế quốc gia pháp quyền.

Không bao lâu sau khi trực tiếp điều hành chính sự, tháng 10 năm 1459, Nhân Tông cùng với Mẫu hậu gặp nạn do Nghi Dân làm phản. Lê Nghi Dân là con trưởng của Thái Tông, vốn được phong Thái tử

trước Nhân Tông nhưng bị phế xuống làm dân thường do mẹ đẻ họ Dương bị mất cảm tình với vua Thái Tông, theo đó mất quyền kế vị. Nghi Dân uất ức tìm cách lập bè đảng làm phản, giết cả Nhân Tông và Hoàng Thái hậu, lên ngôi vua.

Theo kết quả nghiên cứu ngày nay thì đằng sau vụ họ Dương bị phế vị có âm mưu của tập đoàn Thanh Hóa. Họ Dương người Hải Dương, nếu Nghi Dân nối ngôi thì quyền lực có thể về tay các văn sĩ đồng bằng châu thổ, đó chính là mối lo khiến các quan xuất thân từ Thanh Hóa lập mưu khiến vua Thái Tông loại bỏ mẹ con họ Dương (160). Không bàn tới tính đúng đắn của lời bàn, giả thiết này có phần thuyết phục bởi sau khi Nghi Dân làm phản thành công, tập đoàn Thanh Hóa tuy không bị loại bỏ ngay nhưng rất nhiều văn sĩ xuất thân vùng đồng bằng châu thổ đã được tin dùng.

Nghi Dân lần đầu tiên lập nên ở Việt Nam Lục bộ và Lục khoa, tăng cường quyền lực của tầng lớp văn sĩ (161). Lục bộ cũng giống như Trung Quốc, bao gồm các Bộ Lại, Hộ, Lễ, Binh, Hình, Công, đảm nhiệm các công việc hành chính trung ương, tuy nhiên Lục khoa lại khác với Trung Quốc, bao gồm các khoa Trung Thư, Hải, Đông, Tây, Nam, Bắc, có chức năng giám sát công việc quản lý ở trung ương và địa phương. Lục lượng được bổ nhiệm vào các cơ quan này chính là những người đỗ đạt qua các kỳ khoa cử, tức các văn sĩ trẻ vùng đồng bằng châu thổ. Sử sách ghi Ông cũng đã thi hành cải cách ở cấp phủ, huyện nhưng không rõ nội dung cụ thể (162). Có thể Nghi Dân đã có những ý định cải cách khác nhưng khi chưa thực hiện được thì Ông đã bị truất ngôi.

Các quan công thân khai quốc xuất thân từ Thanh Hóa bất mãn vì bắt đầu phải rời

khỏi trung tâm quyền lực do chính sách mới của Nghi Dân. Các đại thần tiêu biểu là Nguyễn Xí, Đinh Liệt (163) xuống nghĩa giết bọn phản nghịch phế truất Nghi Dân và các cận thần vào tháng 6 - 1460, rồi đưa con trai thứ tư của Thái Tông là Hạo, tức Lê Thánh Tông (1460-1497) lên làm vua. Lê Thánh Tông thi hành chính sách cải cách, xây dựng triều Lê thành xã hội ổn định, phổ biến hiếm có trong lịch sử Việt Nam. Chính vì vậy, các đời quân chủ sau này đều nhớ tới thời kỳ hoàng kim của Ông và cố gắng học tập, mô phỏng các chính sách của Ông (164).

Lê Thánh Tông là ông vua coi trọng Nho học nhất trong lịch sử nên quân chủ Việt Nam, dùng lý luận Nho giáo để thay đổi xã hội Việt Nam. Sự coi trọng đạo đức Nho gia của Lê Thánh Tông được thể hiện rõ trong câu nói của Ông: con người khác với súc vật ở chữ Lễ. Từ đó việc cất nhắc tất cả các chức quan đều dựa vào tiêu chuẩn mức độ tuân theo Lễ của Nho giáo. Chẳng hạn, trong cưới hỏi việc hôn lễ đã được tổ chức hay chưa rất được coi trọng (165). Nói cách khác, Ông không dung nạp bất kỳ một hành động nào trái với Lễ của Nho gia.

Sở dĩ Thánh Tông rất coi trọng đạo đức Nho gia là vì Ông đã được học Nho học từ nhỏ. Ông là con trai thứ tư của Thái Tông, không có cơ hội để nối ngôi nên ít quan tâm đến chính trị, chỉ chuyên tâm đọc các sách kinh điển Nho giáo (166). Cuối cùng khi Ông lên ngôi, vốn kiến thức Nho học tích lũy từ nhỏ đã trở thành nền tảng cho tư tưởng cầm quyền của Ông. Ngay sau năm lên ngôi, việc Lê Thánh Tông cho đặt tên các Phủ và Lộ, cấm không được tùy ý xây dựng chùa chiền, đạo quán là từ lý do đó (167).

Chúng tôi cho rằng còn có một lý do nữa khiến Thánh Tông cố gắng thực hiện ý

niệm Nho giáo vì nó là phương tiện để tăng cường quyền lực của vua (168). Ông từng chứng kiến việc Thái Tông và Nhân Tông bắt lạt trước các đại thần và Ông biết rõ bản thân mình lên ngôi cũng là nhờ quyền lực của họ. Trong hoàn cảnh đó Ông thấy rõ việc cần phải tăng cường quyền lực của vua, Ông đã phát hiện ra rằng tư tưởng trung thành của Nho giáo có thể làm nền tảng tư tưởng để thực hiện điều này. Cuối cùng, Thánh Tông dùng tư tưởng trung hiếu của Tân Nho học để đạt được hai mục tiêu cùng một lúc là thi hành đạo đức Nho giáo và tăng cường quyền lực của vua.

Sự nhấn mạnh đến đạo đức Nho giáo của Thánh Tông lần đầu tiên xuất hiện vào năm 1462 trong "Bảo kết hương thí lệ" (Quy định về cam kết khi thi Hương). Theo quy định này, người ứng thi cuộc thi Hương phải được xã trưởng hay trưởng thôn bảo đảm là "người có đức". Là người dù xuất chúng đến đâu nhưng có những hành vi trái với đạo đức Nho giáo như bất hiếu, bất hòa, bất nghĩa, loạn luân sẽ không được dự thi (169). Trước đó chưa có quy định nào về đạo đức đối với người dự thi, điều này cho thấy mức độ coi trọng luân lý Nho giáo của Thánh Tông. Luân lý Nho giáo ở đây là nói tới Tân Nho học đầu thời Minh. Môn thi trong kỳ thi Hương đầu tiên là Tứ thư cho thấy điều này.

Khoa cử thời Thánh Tông được tổ chức lần đầu năm 1463, sau tổ chức định kỳ 3 năm 1 lần. Khi đó có 4.400 người dự thi nhưng lấy đỗ tới 44 người (170). Việc lấy đỗ nhiều như vậy có thể do chất lượng người dự thi đã được nâng lên, tuy nhiên còn có thể do ý đồ tăng cường lớp quan lại trẻ thay thế cho lớp quan văn võ đã già. Tháng 10 năm đó Ông định ra "Văn võ quan chí sĩ niên lệ" (Quy định về hưu trí hàng năm đối với quan văn võ), quy định người quá 65

tuổi phải thôi làm quan (171). Mặt khác, các kỳ thi năm 1466 và 1469 chỉ lấy đỗ 27 và 20 người, giảm nhiều so với năm 1463, điều này có thể có nguyên do là kỳ thi được tổ chức định kỳ 3 năm nên không được chuẩn bị tốt (172). Mặc dầu vậy, 97 người đỗ tiến sĩ qua 3 kỳ thi là nguồn bổ sung rất lớn vào các vị trí văn quan ở trung ương và địa phương. Lần đầu tiên hai người đỗ tiến sĩ năm 1466 là Đào Thuấn Cử và Nguyễn Nhân Thiếp được bổ nhiệm làm Tri huyện (173).

Chắc chắn rằng cuộc cải cách chế độ hành chính trung ương vào tháng 4 và địa phương vào tháng 6 năm 1466 được thực hiện trong bối cảnh tổ chức các kỳ thi khoa cử này. Vào tháng 4, đưa Lục bộ vốn được Nghi Dân dựng lên nhưng mới chỉ là hữu danh vô thực vào hoạt động, thể chế quân sự cũng được cải tổ thành phủ *Ngũ quân đô đốc* (174). Ý đồ cải cách của Thánh Tông tuy không rõ ràng nhưng có thể đó là việc tăng cường quyền lực của vua thông qua việc danh dự hóa các chức quan đại thần, đại tướng vốn có ảnh hưởng lớn khi đó, đặt hai cơ quan dưới quyền chỉ huy trực tiếp của vua. Theo *Toàn thư* thì sau này hầu như không thấy có danh xưng Đại thần, hoặc có cũng chỉ có vai trò rất nhỏ (175). Vấn đề nổi lên khi đó là không có cơ quan giám sát tầng lớp văn sĩ quan lại. Thánh Tông biết trước điều này nên 1 năm trước đó đã cho cải tổ Lục khoa do Nghi Dân lập nên thành 6 bộ: Lại, Hộ, Lễ, Bình, Hình, Công, chuyển vai trò giám sát địa phương thành cơ quan giám sát chính sách của Lục bộ (176).

Chia cơ quan hành chính địa phương gồm 5 đạo tồn tại từ đầu thời Lê thành 12 đạo, đặt Đô ty và Thừa ty, tăng cường sự quản lý từ Trung ương. Từ năm 1471 ở các đạo, ngoài 2 ty còn có Hiến ty. Dưới đạo có

lộ và trấn đối thành phủ và châu, thay toàn bộ võ quan vốn đảm nhiệm các chức quan ở địa phương bằng các văn sĩ (177).

Khi chế độ hành chính đã phần nào được củng cố, vua Thánh Tông lại dành mối quan tâm lớn đến Nho học. Năm 1467, Ông đặt *Ngũ kinh bác sĩ*, để cho một người chỉ làm chuyên môn trong một lĩnh vực. Sở dĩ là vì những người dự thi khoa cử để chuẩn bị cho kỳ thi chỉ chuyên tâm luyện *Tứ thư, Kinh thi và Kinh thư*, chứ rất hiếm người học *Lễ Ký, Chu Dịch, Xuân Thu* (178). Mấy tháng sau, cho khắc gỗ *Ngũ kinh* quan bản và để bảo quản trong Quốc Tử Giám (179), và có thể cũng đã phân phát bản in cho các trường học ở trung ương và địa phương

Thánh Tông, bằng các nỗ lực đó, cho đến cuối những năm 60 của thế kỷ XV đã xác lập được ý niệm Nho giáo và tăng cường quyền lực của mình. Khi đó chắc chắn không có thế lực nào có thể uy hiếp quyền uy và ý niệm của ông. Năm 1470 Ông đổi niên hiệu là Hồng Đức, bắt đầu thời kỳ tập trung thi hành triệt để tư tưởng đạo đức Nho giáo. Luật đầu tiên Ông ban hành là con cái phải để tang 3 năm đối với cha mẹ, vợ đối với chồng, mọi hành vi phải lễ phép, cẩn trọng (180). Đây là bước đi đầu tiên của Thánh Tông trên con đường thực hiện chế độ gia trưởng Nho giáo. Từ đó trong suốt 18 năm, Ông đã cho ban hành rất nhiều luật liên quan tới luân lý Nho giáo, các luật này sau được tập thành *Hồng Đức thiện chính thư* vào thời nhà Mạc (1527-1592) (181).

Các kỳ thi khoa cử được tổ chức đúng như dự kiến, 3 năm 1 lần, ngoài năm 1472 lấy đỗ 26 người, còn lại đều luôn lấy 40 người trở lên, khi nhiều lên tới hơn 60 người (1478-1487). Có một điều chắc chắn là việc nhiều người được tuyển chọn là một phương tiện để Thánh Tông thi hành ý niệm Nho giáo của mình.

KẾT LUẬN

Chúng ta vẫn thường nghĩ Việt Nam thời Trung - Cận đại là một quốc gia Nho giáo. Tất nhiên điều đó không sai, nhưng có một thực tế chúng ta không thể không biết đến. Đó là cần phải xét đến một khái niệm quan trọng trong lịch sử là "Thời đại". Chúng ta sẽ dễ hiểu khi thấy một sự thật là trong xã hội Hàn Quốc, đạo đức Nho giáo có vai trò chủ đạo, tuy vậy đó là hiện tượng từ thời Chosun, cho đến trước đó Phật giáo có quan hệ gần gũi với sinh hoạt của chúng ta hơn nhiều.

Ở Việt Nam ý niệm Nho giáo đóng vai trò chủ đạo từ thời Lê. Trước đó, chính xác hơn cho đến lúc nhà Trần sụp đổ năm 1400, Phật giáo vẫn đóng vai trò chính trị chủ đạo.

Nho học bắt đầu được truyền bá vào Việt Nam từ thời kỳ Trung Quốc đô hộ. Đặc biệt từ cuối thời Hậu Hán đầu thời Tam Quốc, khi Sĩ Nhiếp nắm quyền ở Giao Châu. Tuy nhiên khi đó Nho học chỉ được biết đến trong một số người thuộc tầng lớp thống trị, đồng thời Phật giáo cũng được truyền bá, nên có sự tồn tại của cả Nho, Phật giáo. Đến đời Đường, xuất hiện một số người tới Lạc Dương thi đỗ khoa cử, tuy nhiên về tổng thể do ảnh hưởng của Trung Quốc, Phật giáo được phổ biến rộng rãi hơn.

Khuynh hướng này càng rõ nét hơn vào thế kỷ X, khi Việt Nam giành độc lập từ Trung Quốc, Phật giáo trở thành ý niệm vững chắc của chính quyền. Hơn nữa triều Lý được dựng lên nhờ sự ủng hộ của thế lực Phật giáo, Phật giáo càng được khuyến khích, bảo hộ. Nhà sư trở thành Quốc sư, giữ vai trò quân sư tối cao về chính trị, quyền lực lớn tới mức "Sư cùng Vua trị vì thiên hạ" (182). Sau năm 1075, có vài kỳ thi khoa cử nhưng những người đỗ đạt chỉ

làm quan cấp thấp, làm công việc soạn thảo văn bản.

Triều Trần tuy thể chế quan liêu đã hoàn chỉnh hơn triều Lý nhưng Phật giáo vẫn giữ vai trò là ý niệm chủ đạo, thực quyền chính trị nằm trong tay những người trong hoàng tộc nhà Trần. Sự thay đổi trong chính sách của nhà Trần bắt đầu từ nửa cuối thế kỷ XIII, trải qua 3 lần chống quân xâm lược Mông - Nguyên. Các công việc như di sứ nhằm ngăn chặn sự xâm chiếm của Mông Cổ, giải quyết các vấn đề ngoại giao khi quân Mông Cổ xâm lược đều do các văn sĩ đảm nhận. Thông qua những dịp như vậy, vai trò của tầng lớp này được nâng lên trong triều đình do đó ảnh hưởng của Nho giáo cũng tăng lên.

Ảnh hưởng của Nho giáo càng tăng lên từ những năm 80 của thế kỷ XIV trở đi, khi Hồ Quý Ly lên nắm quyền. Tuy nhiên Ông chú trọng đến Nho học nguyên thủy, chứ không phải Tân Nho học đời Tống. Hồ Quý Ly ban đầu tự xây dựng hình ảnh của mình giống như Chu Công, sau vì muốn được sự ủng hộ của hoàng tộc Trần, Ông đã chú trọng Nho học nguyên thủy. Có thể nói điều đó có ý nghĩa quan trọng đối với sự thay đổi từ tư tưởng Phật giáo sang tư tưởng Nho giáo trong xã hội Việt Nam.

Năm 1407, nhà Minh xâm chiếm Việt Nam, đặt nền thống trị trực tiếp, thi hành chính sách đồng hóa cũng có ý nghĩa quan trọng trong lịch sử Nho học Việt Nam. Nhà Minh cho lập nên nhiều trường học ở trung ương và địa phương, tập trung phổ cập Tân Nho học nhằm đồng hóa Việt Nam. Tuy nhiên trong suốt 20 năm thống trị do sự phản kháng của người dân Việt Nam, thì yên bình chỉ có 4-5 năm nên chính sách đồng hóa không đem lại kết quả đáng kể gì. Mặc dù vậy, không thể phủ nhận một điều

rằng nó mang một ý nghĩa quan trọng là đã tạo ra một bước ngoặt (183).

Sự kiện năm 1428 Lê Lợi lên ngôi vua ở Đông Đô, lấy tên nước là Đại Việt không đơn thuần là thay đổi một vương triều. Một sự thật quan trọng hơn là sự thay đổi từ các vương triều lấy ý niệm Phật giáo làm vai trò chủ đạo sang vương triều lấy ý niệm Nho giáo làm vai trò chủ đạo. Mặc dù trong thời kỳ đầu ý niệm Nho giáo vẫn chưa được xác lập một cách chắc chắn. Lê Thái Tổ đã lập trường học, mở khoa thi nhưng không được thực hiện đều đặn do thời gian trị vì của Ông ngắn, lại lo giải quyết khó khăn cho nông dân thời hậu chiến.

Sau khi Lê Thái Tổ mất, Thái Tông và Nhân Tông lần lượt kế vị khi còn nhỏ tuổi. Do còn nhỏ nên thời Thái Tông lực lượng thay vua nắm thực quyền điều hành là tập đoàn Thanh Hóa, tiêu biểu là Lê Sát, thời Nhân Tông là Hoàng Thái hậu điều hành thay vua với vai trò nhiếp chính. Thời kỳ trị vì của hai vị vua có đặc trưng về mặt chính trị là sự đối lập giữa hai thế lực, thế lực của các công thần khai quốc xuất thân vùng Thanh Hóa và tầng lớp tri thức Nho học trẻ vùng đồng bằng châu thổ. Trong hoàn cảnh đó, mặc dù Nho học trở thành ý niệm mang tính chủ đạo song vẫn không thể phát triển một cách nhất quán. Hơn nữa các võ quan xuất thân từ Thanh Hóa có khuynh hướng sùng bái Phật giáo hơn Nho giáo. Cuối cùng phải tới thời Lê Thánh Tông ý niệm Nho giáo mới thực sự được xác lập.

Thánh Tông từ nhỏ đã chuyên tâm vào học vấn, đọc các sách kinh điển của Nho học là một nguyên nhân giúp cho ý niệm Nho giáo thực sự được xác lập. Một nguyên nhân khác Ông đã được chứng kiến sự bất lực của hai ông vua đời trước trước sự tranh giành

quyền lực trong triều đình. Ông đề cao tư tưởng trung hiếu của Nho giáo, tăng cường quyền lực của vua, nhờ đó đã tạo được chỗ đứng vững chắc cho ý niệm của bản thân vốn đã được trau dồi từ nhỏ. Nho học bắt

đầu phát triển từ giữa thế kỷ XIII, trải qua các giai đoạn Hồ Quý Ly, thời thuộc Minh cho đến thời hai thế kỷ sau đó, tức những năm 60 của thế kỷ XV thời Lê Thánh Tông thì đạt đến độ phát triển toàn diện.

CHÚ THÍCH

(101). *Toàn thư*, tr. 442-443; *Cương mục*, Chính biên, quyển 10, tr. 31b-32b; Gu Bum Jin: *Tìm hiểu về nguyên nhân sụp đổ của nhà Trần (1225-1400) Việt Nam*, *Tuyển tập luận văn khoa lịch sử phương đông*, ĐHQG Seoul 20 (1996), tr. 18. Khu mật viện năm 1342 được nhận thêm quyền chỉ huy cấm quân từ Thượng thư tỉnh nên quyền lực rất lớn. *Toàn thư*, tr. 421.

(102). "Toàn thư", tr. 443.

(103). "Toàn thư", tr. 445; "Cương mục" chính biên, quyển 10, tr. 35a-b. Kỳ thi năm này có Nguyễn Ứng Long, tức Nguyễn Phi Khanh thi đỗ. Nguyễn Phi Khanh là cha Nguyễn Trãi, công thần khai quốc của nhà Lê.

(104). "Toàn thư", tr. 446; "Cương mục" chính biên, quyển 10, tr. 36a-b.

(105). Yamamoto Tatsuro, "Quan hệ nhà Trần và nhà Nguyên", tr. 144-145.

(106). Trước đó thu thuế theo tiêu chuẩn sở hữu ruộng đất, người không có ruộng đất thì được miễn thuế. "Toàn thư", tr. 453-454; "Hiến chương" quyển 29, *Quốc dụng chí*, tr. 16a; "Cương mục" chính biên, quyển 10, tr. 44b-45a.

(107). "Toàn thư", tr. 467; "Cương mục" chính biên, quyển 11, tr. 17b-18a.

(108). "Toàn thư", tr. 473; "Cương mục" chính biên, quyển 11, tr. 30b-31a; "Hiến chương" quyển 30, *Quốc dụng chí*, tr. 10a-b; John K. Whitmore, *Vietnam, Ho Quy Ly, and the Ming (1371-1421)*, (New Haven: Yale Southeast Asia Studies, 1985) tr. 50. Giáo sư Whitmore cho rằng việc cho phép Hoàng tử trực hệ và Công chúa được sở hữu ruộng

đất vô hạn là do Hồ Quý Ly đã tính đến cháu mình và chuyện tiếm ngôi nhà Trần.

(109). "Toàn thư", tr. 468; "Cương mục" chính biên, quyển 11, tr. 18b-19a. Hồ Quý Ly khi đó đã quyết định đổi sang họ cũ nên mới dung Hồ Cương

(110). "Toàn thư", tr. 467-468; "Cương mục" chính biên, quyển 11, tr. 18a-b; Whitmore, *Vietnam, Ho Quy Ly, and the Ming*, tr. 34-35.

(111). "Toàn thư", tr. 469; "Cương mục" chính biên, quyển 11, tr. 19a-b; Whitmore, *Vietnam, Ho Quy Ly, and the Ming*, tr. 36.

(112). Gu Bum Jin, "Tìm hiểu nguyên nhân suy thoái của nhà Trần Việt Nam," tr. 23

(113). "Toàn thư", tr. 470; "Cương mục" chính biên, quyển 11, tr. 22a-23b; Whitmore, *Vietnam, Ho Quy Ly, and the Ming*, tr. 40

(114). "Toàn thư", tr. 471; Whitmore, *Vietnam, Ho Quy Ly, and the Ming*, tr. 41.

(116). "Toàn thư", tr. 471; "Hiến chương" quyển 26, *Khoa mục chí*, tr. 6b-7a; "Cương mục" chính biên, quyển 11, tr. 24a-25a; Whitmore, *Vietnam, Ho Quy Ly, and the Ming*, tr. 402-43.

(116). "Toàn thư", tr. 473; "Cương mục" chính biên, quyển 11, tr. 29b-30a; Whitmore, *Vietnam, Ho Quy Ly, and the Ming*, tr. 49.

(117). "Toàn thư", tr. 477-478; "Cương mục" chính biên, quyển 11, tr. 36b-37a; Whitmore, *Vietnam, Ho Quy Ly, and the Ming*, tr. 58.

(118). Nguyễn Trãi, cánh tay phải của Lê Lợi trong cuộc chiến chống Minh đã đổ trong kỳ thi này.

- (119). "Toàn thư", tr. 479; "Cương mục" chính biên, 11, tr. 39a; Yamamoto Tatsuro, "Nghiên cứu lịch sử An Nam" I (Tokyo, 1950), tr. 275-276.
- (120). Yamamoto Tatsuro, "Nghiên cứu lịch sử An Nam", tr. 277-279.
- (121). Yamamoto Tatsuro, "Nghiên cứu lịch sử An Nam", tr. 282-286.
- (122). Whitmore, *Vietnam, Ho Quy Ly, and the Ming*, tr. 88-89.
- (123). Sử liệu Trung Quốc ghi là 800 ngàn quân, nhưng đây là con số đã được khuyếch trương, thực tế là khoảng 215 ngàn. Chỉ huy quân hướng đông ban đầu là Chu Năng nhưng sau tử trận, thay vào đó là Trương Phụ. Yamamoto Tatsuro, "Nghiên cứu lịch sử An Nam", tr. 307-309.
- (124). Xin xem thêm Yamamoto Tatsuro, "Nghiên cứu lịch sử An Nam", tr. 586; àn Nán Zhì Yuan [An Nam Chí Nguyên], ed. L. Arousseau (Hanoi: École Française d' Extrême-Orient, 1932), tr. 11.
- (125). Yamamoto Tatsuro, "Nghiên cứu lịch sử An Nam", tr. 595. "An Nam chí Nguyên", tr. 106.
- (126). "Sử Minh" (Peking, 1947), quyển 321, tr. 8317.
- (127). "An Nam Chí Nguyên", tr. 106.
- (128). "An Nam Chí Nguyên", tr. 107; Yamamoto Tatsuro, "Nghiên cứu lịch sử An Nam", tr. 596-597; Whitmore, *Vietnam, Ho Quy Ly, and the Ming*, tr. 125
- (129). "Toàn thư", tr. 511; Whitmore, *Vietnam, Ho Quy Ly, and the Ming*, tr. 125
- (130). "An Nam Chí Nguyên", tr. 129; Yamamoto Tatsuro, "Nghiên cứu lịch sử An Nam", tr. 597.
- (131). "Toàn thư", tr. 516-517; Whitmore, *Vietnam, Ho Quy Ly, and the Ming*, tr. 123.
- (132). Yamamoto Tatsuro, "Nghiên cứu lịch sử An Nam", tr. 669-671.
- (133). Trong "Toàn thư" gọi là Đông Kinh nhưng trong "Cương mục" lại gọi là Đông Đô. Trong "Toàn thư" và "Cương mục" đều cho rằng gọi Đông Đô là Đông Kinh vào năm 1430, vì vậy có thể "Cương mục" chính xác hơn. "Toàn thư", tr. 553, 563; "Cương mục" chính biên, quyển 15, tr. 7b, 26b.
- (134). Có thuyết cho rằng Lê Lợi cho người sát hại Trần Cảo. "Toàn thư", tr. 551; "Cương mục" chính biên, quyển 15, tr. 1a-b.
- (135). "Toàn thư", tr. 530; "Cương mục" chính biên, quyển 13, tr. 32a-34a; Whitmore, "The Development of Le Government in Fifteenth Century Vietnam, (Unpublished Ph.D dissertation, Cornell University Press, 1968) tr. 9-10.
- (136). "Toàn thư", tr. 532; Fujihara Riichiro, "Khoa cử thời Lê" "Shiso" 34 (1976), tr. 2; Whitmore, "The Development of Le Government,...", tr. 10.
- (137). "Toàn thư", tr. 552; "Cương mục" chính biên, quyển 15, tr. 5a; Whitmore, "The Development of Le Government,...", tr. 18-19.
- (138). "Hiến chương" quyển 13, Quan chức chí, tr. 10b-11a; Whitmore, "The Development of Le Government,"Tr. 19-20.
- (139). "Hiến chương" quyển 26, Khoa mục chí, tr. 7b; Fujihara Riichiro, "Khoa cử thời Lê"
- (140). "Toàn thư", tr. 558; "Cương mục" chính biên, quyển 15, tr. 17a-b.
- (141). "Toàn thư", tr. 560; "Hiến chương" quyển 26, Khoa mục chí, tr. 7b-8a; "Cương mục" chính biên, quyển 15, tr. 23a-b; Fujihara Riichiro, "Khoa cử thời Lê", tr. 3.
- (142). "Toàn thư", tr. 561; "Cương mục" chính biên, quyển 15, tr. 24a-b; Whitmore, "The Development of Le Government,..", tr. 27; Sase Toshihisa, "Tìm hiểu quá trình xác lập nhà nước triều Lê Việt Nam", "Shigaku Kenkyu", 167 (1985), tr. 25-26.

- (143). "Hiến chương" quyển 26, Khoa mục chí, tr. 8a; "Cương mục" chính biên, quyển 15, tr. 28a-b; Fujihara Riichiro, "Khoa cử thời Lê", tr. 3-4.
- (144). "Toàn thư", tr. 560, 562; "Cương mục" chính biên, quyển 15, tr. 24a.
- (145). "Toàn thư", tr. 557; "Cương mục" chính biên, quyển 15, tr. 15b.
- (146). "Toàn thư", tr. 57, 575; "Cương mục" chính biên, quyển 16, tr. 6b-7a, 11b-12a. Chùa Báo Thiên được xây dựng lần đầu năm 1056 thời vua Thánh Tông triều Lý.
- (147). "Toàn thư", tr. 577; "Cương mục" chính biên, quyển 16, tr. 15a-b.
- (148). "Toàn thư", tr. 602; "Cương mục" chính biên, quyển 17, tr. 14b-15b.
- (149). "Toàn thư", tr. 581-582; Sase Toshihisa, "Tìm hiểu quá trình xác lập nhà nước triều Lê Việt Nam", tr. 31.
- (150). "Toàn thư", tr. 581-582; "Cương mục" chính biên, quyển 16, tr. 20a-b; Sase Toshihisa, "Tìm hiểu quá trình xác lập nhà nước triều Lê Việt Nam", tr. 27.
- (151). "Toàn thư", tr. 577-578; "Hiến chương" quyển 26, Khoa mục chí, tr. 8a-b; "Cương mục" chính biên, quyển 16, tr. 15b-16a; Fujihara Riichiro, "Khoa cử thời Lê", tr. 4-5; Sase Toshihisa, "Tìm hiểu quá trình xác lập nhà nước triều Lê Việt Nam", tr. 32. Kỳ thi năm 1438 đã không được tổ chức như dự kiến. Có lẽ có mối liên quan nào đó với 2 sự kiện lạm dụng quyền lực của Lê Sát và sự kiện Phật Quan Âm của Lê Ngân, khiến 2 ông này bị giết hại vào năm trước đó. Nói cách khác, có nhiều khả năng tập đoàn Thanh Hoá vốn lo sợ quyền lực bị suy yếu, nay thông qua kỳ thi khoa cử các văn sĩ có thể nổi lên nắm giữ quyền bính nên đã ngăn cản không cho thực hiện kỳ thi này.
- (152). "Toàn thư", tr. 584; "Cương mục" chính biên, quyển 16, tr. 24b.
- (153). "Toàn thư", tr. 591.
- (154). Soạn giả của "Đại Việt sử ký toàn thư" Ngô Sĩ Liên đã đỗ trong kỳ thi này. "Toàn thư", tr. 606; "Cương mục" chính biên, quyển 17, tr. 21b-22a; Fujihara Riichiro, "Khoa cử thời Lê", tr. 7.
- (155). Fujihara Riichiro, "Khoa cử thời Lê", tr. 9.
- (156). Fujihara Riichiro, "Khoa cử thời Lê", tr. 37-38.
- (157). "Toàn thư", tr. 615-617; "Cương mục" chính biên, quyển 18, tr. 5b.
- (158). Trong "Toàn thư" ghi là 28 người nhưng trong bia tiến sĩ chỉ ghi 27 người. Fujihara Riichiro, "Khoa cử thời Lê", tr. 10.
- (159). "Toàn thư", tr. 627; "Lê triều hình luật" (EFEO microfilm A. 1995), tr. 67a-70a; "Cương mục" chính biên, quyển 18, 23a-26a; Yu Insun, *Law and Society in Seventeenth and Eighteenth Century Vietnam*, (Seoul: Asiatic Research Center, Korea University, 1990), tr. 89-104.
- (160). Whitmore, "The Development of Le Government...", p. 84-86.
- (161). "Toàn thư", tr. 640; "Hiến chương" quyển 14, *Quan chức chí*, tr. 12a-b; "Cương mục" chính biên, quyển 19, tr. 1b. Trước Nghi Dân chỉ có 3 bộ: Bộ Lại, Bộ Hộ, Bộ Lễ. Fujihara Riichiro, "Tìm hiểu về cải cách nhà nước thời Lê Thánh Tông", "Văn hoá và xã hội Ấn Độ, Đông Nam Á" (Quyển hạ), (Tokyo, 1980), tr. 322.
- (162). "Toàn thư", tr. 640; "Hiến chương" quyển 14, *Quan chức chí*, tr. 12a-b; "Cương mục" chính biên, quyển 19, tr. 1b.
- (163). Đinh Liệt có công lật đổ Nghi Dân được ban quốc tính nên trong "Toàn thư" và "Cương mục" ghi là Lê Liệt.
- (164). Có thể lấy ví dụ, nhà Lê bị mất về tay nhà Mạc (1527-1592) rồi bước vào thời Lê Trung Hưng từ 1592, văn thể trong tất cả các kỳ khoa cử đều áp dụng theo thời kỳ Hồng Đức (1470-1497). "Toàn thư", tr. 1147.
- (165). "Toàn thư", tr. 677.
- (166). Whitmore, "The Development of Le Government...", tr. 98.

(167). "Toàn thư", tr. 643; "Cương mục" chính biên, quyển 19, tr. 16b; Whitmore, "The Development of Le Government...", tr. 110.

(168). Yu Insun, "Ý niệm Nho giáo và xã hội Nho giáo Việt Nam", tr. 479-480.

(169). "Toàn thư", tr. 645; "Hiển chương" quyển 26, *Quan chức chí*, tr. 8b-9a; "Cương mục chính biên", quyển 19, tr. 19a-b; Whitmore, "The Development of Le Government...", p. 119; Fujihara Riichiro, "Khoa cử thời Lê", tr. 13-14. Bất hiếu, bất hoà, bất nghĩa là những tội lớn nhất nằm trong "thập ác", tức 10 tội lớn nhất, xin tham khảo thêm trong "Lê triều hình luật", tr. 14a.

(170). "Toàn thư", tr. 647.

(171). "Toàn thư", tr. 646; "Cương mục" chính biên, quyển 19, tr. 21b.

(172). Fujihara Riichiro, "Khoa cử thời Lê", tr. 16.

(173). "Toàn thư", tr. 672; Sase Toshihisa, "Tìm hiểu quá trình xác lập nhà nước triều Lê Việt Nam", tr. 39-40.

(174). "Toàn thư", tr. 656; "Hiển chương" quyển 26, *Quan chức chí*, tr. 12b; "Cương mục" chính biên, quyển 20, tr. 2a-6a; Sase Toshihisa, "Tìm hiểu quá trình xác lập nhà nước triều Lê Việt Nam", tr. 39.

(175). Trong "Toàn thư" lần cuối cùng đề cập đến chức "Bình chương quân Quốc trọng sự" tức Tế tướng là vào năm Quang Thuận thứ 10 (1469), "Toàn thư", tr. 675.

(176). "Toàn thư", tr. 653; Whitmore, "The Development of Le Government...", p. 167.

(177). "Toàn thư", tr. 656-657; "Hiển chương" quyển 26, *Quan chức chí*, tr. 12b-13a; "Cương mục" chính biên, quyển 20, tr. 2a-6a, 7b-8b; Sase Toshihisa, "Tìm hiểu quá trình xác lập nhà nước triều Lê Việt Nam", tr. 39; Xin tham khảo chú thích 173; Trong "Toàn thư" ghi 13 đạo nhưng trong "Hiển chương" và "Cương mục" ghi 12 đạo là chính xác. Năm 1471 mới thành 13 đạo.

(178). "Toàn thư", tr. 662; "Cương mục" chính biên, quyển 20, tr. 19a-b

(179). "Toàn thư", tr. 663; "Cương mục" chính biên, quyển 20, tr. 21b

(180). "Toàn thư", tr. 677-678; "Cương mục" chính biên, quyển 21, tr. 36a-37b.

(181). Xin tham khảo Hồng Đức Thiệu chính thư, (Saigon: Nam-ha An-quan, 1959).

(182). Kawamoto Kunie, "Buddhism in Vietnam", p. 264.

(183). Whitmore, *Vietnam, Ho Quy Ly, and the Ming*, p. 129.

TRỞ LẠI VẤN ĐỀ: NGUYỄN ÁI QUỐC CÓ THAM DỰ..

(Tiếp theo trang 74)

(9). Báo cáo viết ngày 28-10-1930, lưu hồ sơ Quốc tế Cộng sản, ký hiệu: 495-154-615, tr.109. Dẫn lại theo S. Q. Judge, sdd, tr.179 (tiếng Anh).

(10). *Tóm tắt những tài liệu về Đông Dương của Ban Viễn Đông* (tài liệu báo cáo của mật thám Pháp), do Hội người Việt Nam tại Pháp sưu tầm, gửi đồng chí Phạm Văn Đồng tháng 4-1977. Bản dịch lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

(11). Theo lời khai của Ngô Đức Trì, Tlđđ.

(12). Hồi ký *Đồng chí Nguyễn Ái Quốc với Hội nghị thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng* (tháng 10-1930), Bùi Lâm kể, Thế Tập ghi, *Tạp chí Cộng sản*, số 9-1982.

(16). Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sdd, tập 6, tr. 156.